

<p>- GV cho HS nhận biết số lượng một số đồ vật.</p> <p>- GV nhận xét, ghi điểm cho HS.</p> <p>II. Luyện tập:</p> <p>* Bài 1:</p> <p>- GV đính các tranh bài tập 1 lên bảng và gọi HS nêu yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu bài tập. Sau đó, gọi HS lên bảng sửa bài.</p> <p>* Bài 2: Tiến hành tương tự như bài tập 1</p> <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- Dặn HS về nhà làm bài vào vở bài tập toán.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS nhận biết số lượng một số đồ vật: 1 que tính, 2 viên phấn, 3 cây viết.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập: đếm số lượng đồ vật trong tranh và viết số thích hợp.</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập. Sau đó 6 HS lần lượt lên bảng sửa bài.</p> <p>* Lời giải:</p> <p>2 hình vuông 3 hình tam giác 1 ngôi nhà 3 quả cam 1 cái chén 2 chú voi.</p> <p>* Lời giải:</p> <p>1 2 3 1 2 3 1 2 3 1 2 3 3 2 1 3 2 1 3 2 1 1 2 3 1 2 3</p>
--	--

Học vần
Bài: ê-v

I. MỤC TIÊU:

- Đọc được ê, v, bê, ve; từ và câu ứng dụng.
- Viết được ê, v, bê, ve.
- Luyện nói được 2-3 câu theo chủ đề *bé bé*.

* **HS khá giỏi:** Bước đầu nhận biết được nghĩa một số từ ngữ thông dụng qua tranh minh họa ở sách giáo khoa; viết đủ số dòng quy định trong vở tập viết 1, tập một.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bộ ghép chữ Học vần.
- Tranh minh họa từ và câu ứng dụng.
- Tranh minh họa phần luyện nói.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên
TIẾT 1

I. Kiểm tra bài cũ:

- Cho HS viết các từ bè bè, be bé vào bảng con.
- GV chấm và nhận xét.

II. Dạy bài mới:

Hoạt động của học sinh

- HS viết từ bè bè, be bé vào bảng.

1. Giới thiệu bài:

2. Dạy chữ ghi âm:

* **Chữ ê:**

a). Nhận diện chữ:

- GV viết bảng chữ ê và nói: Đây là chữ ê.
- GV cho HS so sánh chữ ê với chữ e.

b). Phát âm và đánh vần tiếng:

- GV yêu cầu HS lấy chữ ê trong bộ học vần.
- GV phát âm mẫu và gọi HS phát âm chữ ê. GV chú ý chỉnh sửa phát âm cho HS.
- GV ghép và viết tiếng bê lên bảng: âm b ghép với âm ê ta được tiếng bê.
- GV yêu cầu HS phân tích tiếng bê.
- GV yêu cầu HS ghép tiếng bê.
- GV đánh vần mẫu bờ - ê – bê – bê. Gọi HS đọc cá nhân, lớp.

* **Chữ v:** quy trình tương tự như chữ ê.

c). Hướng dẫn viết chữ ê, v, bê, ve.

- GV lần lượt viết mẫu chữ ê, v, bê, ve. Sau đó cho HS lần lượt viết bảng con.

- GV nhận xét, chỉnh sửa cho HS.

3. Đọc tiếng ứng dụng:

- GV viết các tiếng ứng dụng lên bảng: *bê, bẻ, bé, ve, vè, vẽ*. Đọc mẫu, giảng nghĩa.
- GV gọi HS đánh vần, đọc trơn cá nhân, lớp.

TIẾT 2

4. Luyện tập:

a). Luyện đọc:

- Luyện đọc lại các âm, tiếng, từ ứng dụng cá nhân, lớp.
- GV cho HS quan sát tranh và hỏi: Tranh vẽ cảnh gì?

- HS quan sát.
- HS so sánh: chữ ê khác chữ e là có thêm dấu mũ.

- HS lấy chữ ê trong bộ chữ học vần.
- HS lắng nghe GV phát âm mẫu, sau đó phát âm cá nhân, lớp.
- HS quan sát.

- 2 HS phân tích tiếng bê: âm b đứng trước, âm ê đứng sau.
- HS ghép tiếng bê.
- HS lắng nghe và đọc cá nhân, lớp.

- HS quan sát GV hướng dẫn. Sau đó viết bảng con ê, v, bê, ve:

- HS Lắng nghe.
- HS đánh vần, đọc trơn các tiếng ứng dụng cá nhân, lớp.

- HS luyện đọc lại bài cá nhân, lớp.
- HS quan sát tranh và trả lời: Tranh vẽ cảnh em bé đang vẽ bê.

<p>- GV giới thiệu và viết bảng câu ứng dụng <i>bé vẽ bé</i>. Chỉ và đọc mẫu câu ứng dụng.</p> <p>- Gọi HS đọc câu ứng dụng cá nhân, lớp. GV chỉnh sửa phát âm cho HS.</p> <p>b). Luyện viết:</p> <p>- HS luyện viết ê, v, bê, ve vào tập viết 1.</p> <p>c). Luyện nói:</p> <p>- GV treo tranh minh họa và giới thiệu chủ đề luyện nói bé bé.</p> <p>- GV đặt câu hỏi cho HS luyện nói: Tranh vẽ cảnh gì? Em bé có vui không khi được mẹ bế? Em có thích chơi với em bé không?...GV chú ý chỉnh sửa cho HS nói thành câu hoàn chỉnh.</p> <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- Cho HS đọc lại toàn bộ bài học cả lớp.</p> <p>- Dặn HS về nhà ôn lại bài, xem trước bài 8.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS lắng nghe.</p> <p>- HS đọc mẫu câu ứng dụng cá nhân, lớp.</p> <p>- HS luyện viết vào tập viết 1.</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe.</p> <p>- HS trả lời câu hỏi thành câu: Tranh vẽ cảnh mẹ đang bế bé/ Em bé vui khi được mẹ bế/....</p> <p>- HS đọc lại toàn bộ bài cả lớp.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
---	--

Th□ công

Bài: XÉ, DÁN HÌNH CHỮ NHẬT

I. MỤC TIÊU:

- Biết cách xé, dán hình chữ nhật.
- Xé, dán được hình chữ nhật. Đường xé có thể chưa thẳng, bị răng cưa. Hình dán có thể chưa phẳng.

*** Với HS khéo tay:**

- Xé ,dán được hình chữ nhật. Đường xé ít răng cưa. Hình dán tương đối phẳng.
- Có thể xé được thêm hình chữ nhật có kích thước khác.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Bài mẫu về xé, dán hình chữ nhật.
- Giấy màu, giấy trắng làm nền, hồ dán, khăn lau tay.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Giới thiệu bài:</p> <p>II. Dạy bài mới:</p> <p>1. GV hướng dẫn HS quan sát và nhận xét:</p> <p>- GV cho HS xem bài mẫu và giới thiệu: Đây là hình chữ nhật.</p> <p>- GV cho HS quan sát trong lớp và nêu tên những đồ vật có dạng hình chữ nhật.</p> <p>2. GV hướng dẫn mẫu:</p> <p>a). <i>Vẽ và xé hình chữ nhật:</i></p>	<p>- HS quan sát.</p> <p>- HS quan sát và nêu tên đồ vật: bảng lớp, mặt bàn, cửa lớp,....</p>

<p>- GV lấy một tờ giấy thủ công, lật mặt sau đếm ô, đánh dấu và vẽ 1 hình chữ nhật có cạnh dài 12 ô, cạnh ngắn 6 ô. Lưu ý HS không được vẽ bằng thước.</p> <p>- Làm các thao tác xé từng cạnh của hình chữ nhật: tay trái giữ chặt tờ giấy, tay phải dùng ngón tay cái và ngón trỏ để xé giấy dọc theo cạnh hình.</p> <p>- Sau khi xé xong, lật mặt màu để HS quan sát hình chữ nhật.</p> <p>- GV làm mẫu lại từng bước và yêu cầu HS lấy tờ giấy trắng thực hành theo đếm ô, vẽ hình chữ nhật và thực hành xé hình chữ nhật. GV chú ý giúp đỡ những HS còn gặp khó khăn.</p> <p><i>b). Dán hình:</i></p> <p>- GV làm mẫu thao tác dán hình: Lấy một ít hồ ra một mảnh giấy, dùng ngón tay trỏ thoa đều hồ lên mặt sau của hình chữ nhật. Ướm đặt hình vào vị trí cân đối và dán hình, dùng tay miết nhẹ cho hình được phẳng. Sau đó, lau tay cho sạch hồ bằng khăn tay.</p> <p>3. HS thực hành:</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Hình chữ nhật có cạnh dài mấy ô? Cạnh ngắn mấy ô?</p> <p>- GV cho HS thực hành vẽ, xé, dán hình chữ nhật bằng giấy thủ công. GV chú ý giúp đỡ những HS còn gặp khó khăn.</p> <p>- GV nhận xét một số sản phẩm của HS.</p> <p>III. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- Dặn HS chuẩn bị giấy nháp, giấy thủ công, hồ dán cho bài học sau “Xé, dán hình tam giác”.</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- HS quan sát GV hướng dẫn.</p> <p>- HS lấy giấy nháp thực hành theo từng bước GV hướng dẫn.</p> <p>- HS quan sát GV hướng dẫn.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Hình chữ nhật có cạnh dài 12 ô, cạnh ngắn 6 ô.</p> <p>- HS thực hành vẽ, xé, dán hình chữ nhật bằng giấy thủ công.</p> <p>- HS quan sát.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	--

Thứ sáu, ngày 29 tháng 8 năm 2014

Toán

Bài: **CÁC SỐ 1, 2, 3, 4, 5**

I. MỤC TIÊU:

- Nhận biết được số lượng các nhóm đồ vật từ 1 đến 5; biết đọc viết các số 4, 5; đếm được các số từ 1 đến 5 và đọc theo thứ tự ngược lại từ 5 đến 1; biết thứ tự của mỗi số trong dãy số 1, 2, 3, 4, 5.

- Làm BT 1, 2, 3.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Tranh minh họa bài học trong SGK.

- Phiếu học tập của HS.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>I. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 4 HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại. - GV ghi điểm cho HS. <p>II. Giới thiệu bài:</p> <p>III. Dạy bài mới:</p> <p>1. Giới thiệu số 4:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV treo tranh dòng đầu tiên trang 14 lên bảng và yêu cầu 1 HS lên bảng điền số vào ô trống, cả lớp làm vào SGK. - GV lần lượt đưa tranh 4 bạn nam, 4 cái kèn, 4 chấm tròn và hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Có mấy bạn nam? + Có mấy cái kèn? + Có mấy chấm tròn? + Bạn nam, cái kèn và chấm tròn đều có số lượng là mấy? - GV kết luận: Để chỉ số lượng là bốn ta dùng số bốn - GV cho HS xem mẫu chữ số 4 in và chữ số 4 viết. - GV yêu cầu HS lấy chữ số 4 trong bộ học toán. - GV yêu cầu HS lấy 4 que tính, 4 hình vuông, 4 hình tròn và đọc: “4 que tính”, “4 hình vuông”, “4 hình tròn”. <p>2. Giới thiệu số 5: Tiến hành tương tự như giới thiệu số 4.</p> <p>3. Tập đếm và xác định thứ tự các số trong dãy số 1, 2, 3, 4, 5:</p> <p>a). Đếm từ 1 đến 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đính hình vẽ cột hình vuông bên trái lên bảng và yêu cầu HS quan sát nêu số ô vuông của từng cột, trong khi HS nêu, GV ghi bảng số. Lưu ý, GV hướng dẫn HS nói như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Một hình vuông – Một. + Hai hình vuông – Hai. +..... - GV yêu cầu HS đọc liền mạch các số được ghi dưới mỗi cột ô vuông (dòng 1) <p>b). Đếm từ 5 đến 1: Làm tương tự như trên.</p> <p>c). Thứ tự các số từ 1 đến 5:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 4 HS đếm từ 1 đến 3 và ngược lại. - 1 HS làm bảng lớp. Cả lớp làm vào SGK. - 3 HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> + Có 4 bạn nam. + Có 4 cái kèn. + Có 4 chấm tròn. + Bạn nam, cái kèn và chấm tròn đều có số lượng là bốn. - HS lắng nghe. - HS quan sát. - HS lấy chữ số 4 trong bộ học toán. - HS lấy 4 que tính, 4 hình vuông, 4 hình tròn và đọc theo yêu cầu của GV. - HS quan sát và lắng nghe GV hướng dẫn và tập nói thành câu - 3 HS đọc các số 1, 2, 3, 4, 5.

<p>- GV yêu cầu HS điền số còn thiếu vào ô trống. 2 HS làm bảng lớp.</p> <p>- GV hỏi:</p> <p>+ Trước khi đếm số 2, ta phải đếm số nào?</p> <p>+ Sau khi đếm số 2, ta phải đếm số nào?</p> <p>- GV: Như vậy, ta nói số 2 đứng sau số 1 và đứng trước số 3. Gọi vài HS nhắc lại.</p> <p>- GV hướng dẫn tương tự để rút ra kết luận: Số 4 đứng sau số 3 và đứng trước số 5. Gọi vài HS nhắc lại.</p> <p>- GV gọi HS đếm từ 1 đến 5 và ngược lại cá nhân, lớp.</p> <p>- GV hướng dẫn HS viết các số 4, 5 vào bảng con.</p> <p>5. Thực hành: GV phát phiếu học tập cho HS.</p> <p>* Bài 1:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập. GV chú ý chỉnh sửa cho những HS viết chưa đúng.</p> <p>* Bài 2:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- GV sửa bài: GV đính từng tranh và gọi HS lên điền số. Cho cả lớp nhận xét.</p> <p>* Bài 3:</p> <p>- GV nêu yêu cầu bài tập và hướng dẫn HS nêu lại yêu cầu bài tập.</p> <p>- GV đính bài tập 3 lên bảng và hướng dẫn HS cách làm: Ở hàng trên, chúng ta đếm từ 1 đến 5 và điền các số còn thiếu cho thích hợp. Ở hàng dưới chúng ta đếm ngược từ 5 đến 1 và điền các số còn thiếu cho thích hợp.</p> <p>- GV cho HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- GV sửa bài: GV gọi 4 HS lên sửa bài trên bảng. Cho cả lớp nhận xét.</p> <p>IV. Củng cố - Dặn dò:</p> <p>- GV cho HS quan sát trong lớp và nêu tên những đồ vật có số lượng là 4, 5</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>- Lớp điền số còn thiếu vào ô trống, 2 HS làm bảng lớp.</p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Ta phải đếm số một.</p> <p>+ Ta phải đếm số ba.</p> <p>- HS lắng nghe và nhắc lại: số 2 đứng sau số 1 và đứng trước số 3.</p> <p>- HS trả lời câu hỏi, lắng nghe và nhắc lại: số 4 đứng sau số 3 và đứng trước số 5.</p> <p>- HS đếm từ 1 đến 5 và ngược lại cá nhân, lớp.</p> <p>- HS viết bảng con các số 4, 5.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số 4, 5</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số vào ô trống (theo mẫu)</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- 6 HS lần lượt lên sửa bài trên lớp.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài tập Viết số thích hợp vào ô trống.</p> <p>- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách làm bài.</p> <p>- HS làm bài vào phiếu học tập.</p> <p>- 4 HS lên sửa bài trên bảng lớp.</p> <p>- HS quan sát và nêu tên: 4 cái đèn, 5 con tôm,....</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
--	---

TẬP VIẾT

Bài: **TÔ CÁC NÉT CƠ BẢN.**

I. MỤC TIÊU:

- Tô được các nét cơ bản thờ vở Tập viết.

Hs khá, giỏi có thể viết được các nét cơ bản.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
I. GIỚI THIỆU BÀI: II. DẠY BÀI MỚI: - GV lần lượt viết bảng các nét cơ bản và hỏi HS tên nét. - GV hướng dẫn HS cách viết các nét cơ bản. Chú ý HS về điểm đặt bút, điểm dừng bút. - Yêu cầu HS viết bảng con các nét cơ bản - Yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1. GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết. - GV chú ý giúp đỡ một số HS chưa viết được. * GV chấm tập, nhận xét một vài bài của HS.	- HS quan sát và trả lời tên các nét cơ bản: nét ngang, nét dọc, nét móc dưới, nét móc trên, nét móc hai đầu, nét cong hở phải, nét cong hở trái, nét cong kín, nét khuyết dưới, nét khuyết trên, nét thắt. - HS quan sát. - HS viết bảng con - HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.

TẬP VIẾT

Bài: **e, b, bé**

I. MỤC TIÊU:

- Tô và viết được các chữ e, b, bé theo tập viết.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
I. GIỚI THIỆU BÀI: II. DẠY BÀI MỚI: - GV lần lượt viết bảng hướng dẫn HS cách viết các chữ e, b, bé Chú ý HS về cỡ chữ, nét nối giữa các chữ. - Yêu cầu HS phân tích độ cao của các chữ. + <i>Chữ e cao bao nhiêu ô li?</i> + <i>Chữ b cao bao nhiêu ô li?</i> + <i>Phân tích tiếng bé?</i> - GV hướng dẫn lại cho HS biết cách viết các âm,	- HS quan sát. - HS trả lời: + <i>Chữ e cao 2 ô li.</i> + <i>Chữ b cao 5 ô li.</i> + <i>Tiếng bé gồm âm b đứng trước, âm e đứng sau, dấu sắc nằm trên âm e.</i> - HS quan sát.

tiếng.

- Yêu cầu HS viết bảng con các chữ: **e, b, bé**,

- HS viết bảng con:

- Yêu cầu HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1. GV nhắc nhở HS tư thế ngồi viết.

- GV chú ý giúp đỡ một số HS chưa viết được.

* GV chấm tập, nhận xét một vài bài của HS.

- HS viết vào vở Tập viết 1, tập 1.

THỰC HÀNH KĨ NĂNG SỐNG
BÀI 1: HÒA NHẬP VỚI MÔI TRƯỜNG MỚI (Tiết 2)
(Đã soạn ở Tiết 1 – Tuần 1)